TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 6

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số 741, chữ số 7 có giá trị là:

A. 741 **B.** 700 **C.** 7 **D.** 70

Câu 2. Giá trị của biểu thức 24 + 2 × 9 là:

A. 35 **B.** 42 **C.** 33 **D.** 234

Câu 3. Gấp 19 lên 3 lần được:

A. 22 **B.** 60 **C.** 76 **D.** 57

Câu 4. Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/2 **B.** 1/6 **C.** 1/5 **D.** 1/7

Câu 5. Dụng cụ dùng để đo nhiệt độ là:

A. thước kẻ **B.** nhiệt kế **C.** ca 1 lít **D.** cân

Câu 6. Hình vuông có mấy góc vuông?

A. 2 góc vuông **B.** 4 góc vuông **C.** 3 góc vuông **D.** 1 góc vuông

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 428 + 445 = ……

b) 691 − 213 = ……

c) 125 × 2 = ……

d) 510 : 6 = ……

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 9 × 6 …… 54

b) 1 kg …… 900 g

c) 5 m 6 cm …… 496 cm

d) 1/3 của 12 …… 1/6 của 24

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/4 của 20 giờ là …… giờ

b) 1/9 của 27 l là …… l

c) 1/5 của 30 cm là …… cm

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 l = …… ml

b) 4 m = …… cm

c) 1 m 7 dm = …… dm

d) 3 cm = …… mm

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 8 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 28 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 30 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Bài 6. Mỗi hộp có 7 cái bánh. Huy mua 5 hộp bánh và 6 cái bánh lẻ. Hỏi Huy mua tất cả bao nhiêu cái bánh?

a) 5 hộp có: …… cái bánh

b) Tất cả có: …… cái bánh

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 6

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	B	D	D	B	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 428 + 445 = 873

b) 691 − 213 = 478

c) 125 × 2 = 250

d) 510 : 6 = 85

Bài 2.

a) 9 × 6 = 54 nên điền dấu «=»

b) 1 kg = 1000 g nên điền dấu «>»

c) 5 m 6 cm = 506 cm nên điền dấu «>»

d) 1/3 của 12 là 4; 1/6 của 24 là 4 nên điền dấu «=»

Bài 3.

a) 20 : 4 = 5 (giờ)

b) 27 : 9 = 3 (l)

c) 30 : 5 = 6 (cm)

Bài 4.

a) 3 l = 3000 ml (vì 1 l = 1000 ml)

b) 4 m = 400 cm (vì 1 m = 100 cm)

c) 1 m 7 dm = 17 dm (vì 1 m = 10 dm)

d) 3 cm = 30 mm (vì 1 cm = 10 mm)

Bài 5.

a) 8 × 2 = 16 (cm)

b) 28 : 2 = 14 (dm)

c) 30 : 2 = 15 (mm)

Bài 6.

5 hộp: 7 × 5 = 35 (cái)

Tất cả: 35 + 6 = 41 (cái)